TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Cừ**

Ông **Dương Cao Sơn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Việt Hà, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST – HNGĐ ngày 15/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981

Trú tại: Số nhà E, ngõ I, đường X, tổ dân phố E, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1977;
Trú tại: Số nhà E, ngõ I, đường X, tổ dân phố E, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.
Hiện đang thi hành án phạt tù tại đội 5, phân trại số C, trại giam N1, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị* Nguyễn Thị N *trình bày:*

Chị và anh Trần Văn L kết hôn vào ngày 06/8/2003, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống với mẹ chồng là Bà Trương Thị L1 tại Số nhà E, ngõ I, đường X, thuộc tổ dân phố E, phường B, thành phố H. Chị N, anh L đều làm nghề buôn bán tự do. Tình cảm vợ, chồng sau khi cưới khá hạnh phúc. Khoảng năm 2015 anh L bị lôi kéo dính vào con đường nghiện ngập thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, bản thân chị N và gia đình nhiều lần khuyên ngăn, động viên anh L để anh cai nghiện nhưng

anh L không thay đổi mà ngày càng lún sâu vào con đường nghiện ngập, chích hút. Năm 2015 anh L bị Tòa án kết án 24 tháng tù, về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2019 anh L ra tù được thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử 24 tháng tù. Năm 2021 anh L tiếp tục phạm tội về ma túy và bị kết án 5 năm tù. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi cọ, xúc phạm và nhiều lần chị N bị anh L đánh đập vì không đưa tiền để anh L mua ma túy sử dụng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là do anh L nghiện ma túy, thường xuyên về nhà chử bới, gây gỗ để lấy tiền đi chơi ma túy, sống không có trách nhiệm với vợ, con. Mặc dù, đã được gia đình hai bên và người thân nhiều lần khuyên giải song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên chị Nguyễn Thị N xin được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương L2, sinh ngày 15/12/2003 và con Trần Tuấn A, sinh ngày 28/12/2007. Đối với con Trần Phương L2 đã trên 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con. Do con Trần Tuấn A đang còn đi học, anh L đang phải đi thi hành án phạt tù nên chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh Trần Văn L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

- *Tại bản tự khai bị đơn anh* Trần Văn L *trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian vợ chồng mâu thuẫn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh L nhiều lần đi tù nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh L cũng thừa nhận quá trình mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và người thân nhiều lần khuyên giải song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện vợ, chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý với chị N là vợ chồng xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương L2, sinh ngày 15/12/2003 và con Trần Tuấn A, sinh ngày 28/12/2007. Con Trần Phương L2 đã trên 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con. Do hiện nay anh L đang phải thi hành án phạt tù, con Trần Tuấn A đang trong độ tuổi đi học nên anh L đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, có đơn đề nghị không mở phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 228; khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều

81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Đối với con Trần Phương L2 đã trên 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con. Giao con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 28/12/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001227 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị N được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con đối với anh Trần Văn L, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con". Anh Trần Văn L hiện trú tại tổ dân phố E, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Do hiện nay anh Trần Văn L đang phải thi hành án phạt tù tại đội 5, phân trại số C, trại giam N1, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Tri nên anh L có đơn đề nghị Tòa án không mở phiên họp công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh L. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn L là có căn cứ, phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị N nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn. Anh Trần Văn L cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên phải đi tù. Mặc dù, đã được gia đình hai bên và người thân nhiều lần khuyên giải song không có kết quả. Vì vậy, chị N làm đơn xin ly hôn thì anh L đồng ý.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh L đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng

kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N với bị đơn anh Trần Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L đều thừa nhận vợ chồng có 2 con chung tên là Trần Phương L2, sinh ngày 15/12/2003 và con Trần Tuấn A, sinh ngày 28/12/2007. Đối với con Trần Phương L2 đã trên 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con. Chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Tuấn A đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: chị N hiện có chổ ở ổn định, con từ nhỏ chủ yếu sống với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Con Trần Tuấn A cũng có đơn trình bày nguyện vọng là mong muốn được ở cùng với chị N. Bản thân anh Trần Văn L hiện đang phải thi hành án tại trại giam N1, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", anh L cũng có nguyện vọng giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung Trần Tuấn A cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh Trần Văn L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Anh Trần Văn L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 28/12/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Trần Phương L2 đã trên 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con. Anh Trần Văn L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001227 ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị N được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng